

# **CHƯƠNG TRÌNH GIẢI MÃ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KHOÁ 2022**

05/2024



# Nội dung

**1** CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



**2** CHUẨN TIẾNG ANH VÀ CÁC HỆ THỐNG CỦA FIT



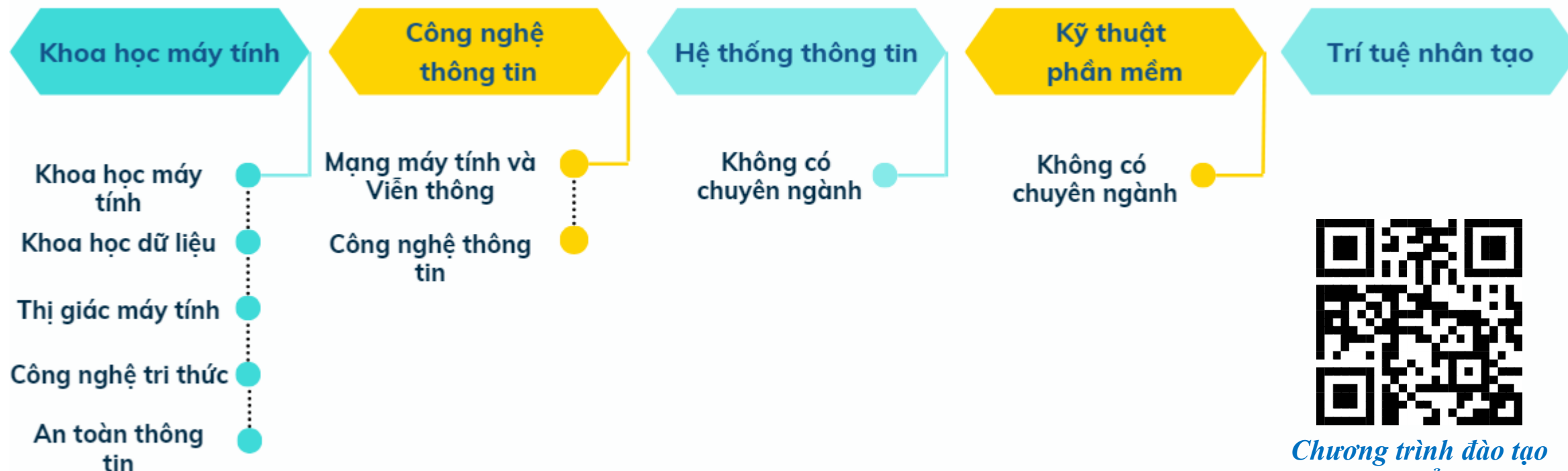
**3** LIÊN HỆ



# 1. Chương trình đào tạo

# 1.1 Ngành/ chuyên ngành đào tạo

Sinh viên tích lũy tín chỉ theo **01** ngành/ chuyên ngành để tốt nghiệp.



Chương trình đào tạo  
Khóa tuyển 2022

# 1.2 Cấu trúc chương trình đào tạo

| KHỐI KIẾN THỨC                                           |                               | SỐ TC      | GHI CHÚ                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Giáo dục đại cương</b><br>(không kể NN, GDTC và GDQP) |                               | 56         | Chung cho nhóm ngành CNTT<br>42 TC bắt buộc, 14 TC tự chọn                                                                                                                                                    |
| <b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>                            | Kiến thức cơ sở ngành         | 38         | BB Chung cho nhóm ngành CNTT                                                                                                                                                                                  |
|                                                          | Kiến thức ngành/ chuyên ngành | $\geq 24$  | Bắt buộc ngành (A) $\geq 16$ TC<br>Tự chọn ngành (B) $\geq 8$ TC                                                                                                                                              |
|                                                          | Tự chọn tự do                 | $\geq 10$  | (C) $\geq 10$ TC                                                                                                                                                                                              |
| <b>Tốt nghiệp</b>                                        |                               | $\geq 10$  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Khóa luận tốt nghiệp (10TC)</li> <li>Thực tập tốt nghiệp (10TC)</li> <li>Thực tập dự án tốt nghiệp/Chuyên đề tốt nghiệp (6TC) +1 học phần tốt nghiệp (4TC).</li> </ul> |
| <b>Tổng cộng</b>                                         |                               | $\geq 138$ | SV có thể tích lũy nhiều hơn 138TC                                                                                                                                                                            |

## 2. Chuẩn tiếng Anh và các hệ thống của FIT

## 2.1 Chuẩn trình độ tiếng anh

Chuẩn trình độ tiếng Anh khi đăng ký các học phần chuyên ngành



Quyết định **1625/QĐ-KHTN**, ban hành ngày 26/9/2022 áp dụng cho khóa tuyển 2022 trở về sau



Hoàn tất **4 học phần Anh văn** trong CTĐT



Chậm nhất là **cuối HK thứ 6**

Nếu sinh viên đã đạt chứng chỉ tiếng Anh **tương đương bậc 3/6** và **đã nộp** chứng chỉ cho Trường thì bỏ qua điều kiện trên.

## 2.1 Chuẩn trình độ tiếng anh

**Chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 3/6  
(Theo QĐ 1625/QĐ-KHTN, ngày 26/9/2022)**

|   |                                                                    |
|---|--------------------------------------------------------------------|
| 1 | Chứng chỉ IELTS 4.5 do British Council hoặc IDP Australia cấp      |
| 2 | Chứng chỉ TOEFL (iBT) 45 do ETS cấp                                |
| 3 | Chứng chỉ TOEFL (ITP) 450 do ETS cấp                               |
| 4 | Chứng chỉ TOEFL (CBT) 133 do ETS cấp                               |
| 5 | TOEIC 4 kỹ năng: 450 Nghe - Đọc và 181 Nói - Viết do ETS cấp       |
| 6 | Chứng chỉ PET - CEFR B1 do Cambridge cấp                           |
| 7 | Chứng chỉ BEC Preliminary do Cambridge Assessment cấp              |
| 8 | Chứng chỉ BULATS 40 do Cambridge Assessment cấp                    |
| 9 | <b>Chứng chỉ B1 theo Khung NLNN 6 bậc của Bộ GD&amp;ĐT (VSTEP)</b> |



## 2.2 Các hệ thống

**Website Trường:** <https://www.hcmus.edu.vn/>

- Các thông báo phòng đào tạo, khảo thí, công tác sinh viên...

**Portal trường:** <https://portal.hcmus.edu.vn/>

- Đăng ký học phần, khảo sát, xem điểm học phần...

**Website Khoa CNTT:** <https://www.fit.hcmus.edu.vn/>

- Thời khóa biểu, chương trình đào tạo, mẫu đơn, thông báo, thư viện, đăng ký đề tài tốt nghiệp, đăng ký hoạt động sinh viên, học bổng.....

**Website môn học (Moodle):** <https://courses.fit.hcmus.edu.vn/>

- Các trang lớp học trong học kỳ, tài liệu môn học, nộp bài tập, đồ án....

**Hệ thống Q&A FIT:** <https://courses.fit.hcmus.edu.vn/q2a/>

- Nơi đặt câu hỏi, nêu các thắc mắc, tìm kiếm thông tin qua các câu hỏi và trả lời trước đó...

# 3. Liên hệ

## 2.3 Bộ phận hỗ trợ

*Giáo vụ*

[giaovu@fit.hcmus.edu.vn](mailto:giaovu@fit.hcmus.edu.vn); Phòng I.53

*Cố vấn học tập*

[cvht@fit.hcmus.edu.vn](mailto:cvht@fit.hcmus.edu.vn); Phòng I.53

*Trợ lý sinh viên*

[tlsv@fit.hcmus.edu.vn](mailto:tlsv@fit.hcmus.edu.vn); Phòng I.53

*Kỹ thuật*

[support@fit.hcmus.edu.vn](mailto:support@fit.hcmus.edu.vn); Phòng I.51

**\*\* Gửi email đến các bộ phận bằng email sinh viên.**

## 2.4 Các bộ môn



### **Hệ thống thông tin**

Phòng I.84

Quản lý ngành Hệ thống thông tin



### **Công nghệ phần mềm**

Phòng I.82

Quản lý ngành Kỹ thuật phần mềm



### **Khoa học máy tính**

Phòng I.81

Quản lý chuyên ngành Khoa học máy tính và Khoa học dữ liệu



### **Công nghệ tri thức**

Phòng I.63

Quản lý chuyên ngành Công nghệ tri thức và An toàn thông tin



### **Thị giác máy tính và Điều khiển học thông minh**

Phòng I.73

Quản lý chuyên ngành Thị giác máy tính



### **Mạng máy tính & Viễn thông**

Phòng I.74

Quản lý chuyên ngành Mạng máy tính và Viễn thông

**CẢM ƠN CÁC BẠN.**